BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2482 /QĐ-BTNMT	*Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy sản xuất giấy A.F.C công suất 30.000 tấn/năm (điều chỉnh công nghệ xử lý nước thải)" tại C6/4C ấp 3, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy sản xuất giấy A.F.C công suất 30.000 tấn/năm (điều chỉnh công nghệ xử lý nước thải)" họp ngày 28 tháng 10 năm 2021;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy sản xuất giấy A.F.C công suất 30.000 tấn/năm (điều chỉnh công nghệ xử lý nước thải)" đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản số 08/2021/CV-A.F.C ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Công ty TNHH Giấy A.F.C;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy sản xuất giấy A.F.C công suất 30.000 tấn/năm (điều chỉnh công nghệ xử lý nước thải)" (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Giấy A.F.C

(sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại C6/4C ấp 3, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH Giấy A.F.C;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở TN&MT Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT (3). PN (12).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Võ Tuấn Nhân

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN "NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY A.F.C CÔNG SUẤT 30.000 TẤN/NĂM (ĐIỀU CHỈNH CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI)" TẠI C6/4C ẤP 3, XÃ VĨNH LỘC B, HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo Quyết định số 2482 /QĐ-BTNMT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

---

1. Thông tin về Dự án:

- Tên dự án: "Nhà máy sản xuất giấy A.F.C công suất 30.000 tấn/năm (điều chỉnh công nghệ xử lý nước thải)".

- Địa điểm thực hiện dự án: C6/4C ấp 3, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Giấy A.F.C.

- Địa chỉ liên hệ: C6/4C ấp 3, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty TNHH Giấy A.F.C đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại Quyết định số 187/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 31 tháng 01 năm 2013 với công suất 30.000 tấn/năm, cấp Giấy xác nhận hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 968/GXN-TNMT-CCBVMT ngày 11 tháng 02 năm 2015, đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất số 89/GXN-BTNMT ngày 28 tháng 06 năm 2019 với công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm.

1.1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1.1. Phạm vi, quy mô của Dự án:

- Diện tích Dự án: 6.700 m^2 không thay đổi so với đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt tại Quyết định số 187/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 31 tháng 01 năm 2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

- Lắp đặt máy móc, thiết bị phục vụ Nhà máy công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm theo Quyết định số 187/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 31 tháng 01 năm 2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thay đổi công nghệ xử lý nước thải, giữ nguyên công suất hệ thống xử lý nước thải 250 m^3/ngày đêm.

- Nhà máy sử dụng nguyên liệu là giấy phế liệu thu mua trong nước và nhập khẩu.

- Các hạng mục, công trình của Dự án:

Nhà máy giấy A.F.C hiện hữu đã thi công toàn bộ các hạng mục công trình theo đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được Sở Tài nguyên và Môi trường

Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt tại Quyết định số 187/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 31 tháng 01 năm 2013, bao gồm:

+ Các hạng mục công trình chính: Xưởng xeo giấy số 1 diện tích 1.100 m^2 (đặt 02 dây chuyền sản xuất), xưởng xeo giấy số 2 diện tích 600 m^2 (đặt 01 dây chuyền sản xuất), nhà lò hơi 15 tấn/giờ diện tích 260 m^2, kho chứa nguyên liệu số 1 diện tích 1.200 m^2, kho chứa nguyên liệu số 2 diện tích 800 m^2, kho chứa thành phẩm diện tích 300 m^2.

+ Các hạng mục công trình phụ trợ: Khối văn phòng, kho chứa hóa chất, kho tinh bột, nhà bảo vệ, trạm cân, nhà xe, cây xanh, sân đường nội bộ.

+ Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống thu gom nước mưa, hệ thống thu gom nước thải, hệ thống xử lý nước thải, bể thu bột giấy, bể sự cố dung tích 500 m^3, hệ thống thu gom và xử lý khí thải, khu lưu giữ chất thải rắn thông thường, khu lưu giữ chứa chất thải nguy hại.

1.1.2. Công suất của Dự án:

Dự án có tổng công suất sản xuất giấy bao bì carton 30.000 tấn sản phẩm/năm, không thay đổi so với đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt tại Quyết định số 187/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 31 tháng 01 năm 2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Công nghệ sản xuất của Dự án:

- Công nghệ sản xuất của Dự án không thay đổi so với đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt tại Quyết định số 187/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 31 tháng 01 năm 2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

Nguyên liệu (giấy phế liệu) → nghiền thủy lực → xử lý bột giấy (lọc nồng độ cao, sàng, phân tách sớ sợi, cô đặc, nghiền đĩa, làm sạch sớ sợi) → hệ thống tiếp cận bột → lưới xeo → ép giấy → sấy giai đoạn đầu → gia keo → sấy giai đoạn cuối → cán láng → cuộn giấy → thành phẩm.

- Nguồn nguyên liệu chính phục vụ sản xuất là giấy phế liệu được nhập khẩu và thu mua trong nước; từ ngày 01 tháng 01 năm 2025: nhập khẩu ≤ 80% và thu mua trong nước ≥ 20%.

1.3. Các máy móc, thiết bị của Dự án:

Bao gồm: 03 dây chuyền công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm không thay đổi so với đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt tại Quyết định số 187/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 31 tháng 01 năm 2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính từ Dự án:

Dự án phát sinh bụi, khí thải tiếng ồn, độ rung, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng, cải tạo hệ thống xử lý nước thải:

Thời gian thi công xây dựng, cải tạo hệ thống xử lý nước thải khoảng 10 ngày, các hạng mục bổ sung mới được gia công phần lớn bên ngoài Nhà máy và đưa đến lắp đặt.

2.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của cán bộ, công nhân viên (hoạt động vệ sinh cá nhân) tại Nhà máy.

- Nước thải công nghiệp từ quá trình sản xuất giấy, từ quá trình xả đáy lò hơi, từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất (bụi, khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu vận hành lò hơi; bụi từ quá trình bốc dỡ nguyên liệu, thành phẩm; bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, thành phẩm; sol khí từ hệ thống xử lý nước thải...).

- Chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sản xuất.

- Nước mưa nhiễm bẩn chảy tràn qua khu vực Nhà máy.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng, cải tạo hệ thống xử lý nước thải: Khối lượng nước thải phát sinh không đáng kể.

2.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của công nhân viên tại Nhà máy: 8,1 m^3/ngày đêm. Thành phần: chất rắn lơ lửng (SS), BOD, COD, nitơ (N), phốt pho (P), coliform…

- Nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất:

+ Nước thải từ quá trình xả đáy lò hơi, quá trình tái sinh các bình lọc của hệ thống khử khoáng: ước tính lượng nước thải mỗi lần xả cặn lớn nhất khoảng 2,4 m^3/lần xả. Thành phần: chất rắn lơ lửng (SS).

+ Nước thải từ dây chuyền sản xuất giấy sau khi tuần hoàn ước tính khoảng 231,2 m^3/ngày. Thành phần: TSS, BOD, COD, độ màu.

+ Nước thải phát sinh từ bể dập bụi và bể hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải lò hơi ước tính khoảng 02 m^3/ngày đêm.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực mái nhà, sân đường nội bộ tương ứng trận mưa lớn nhất ước tính khoảng 603 m^3/ngày.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng, cải tạo hệ thống xử lý nước thải: Bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng, cải tạo hệ thống xử lý nước thải không đáng kể.

2.3.2. Giai đoạn vận hành:

- Bụi phát sinh từ phương tiện giao thông vận tải, vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm.

- Bụi từ các công đoạn nghiền, cô đặc, sấy, sang cuộn, cắt rìa.

- Bụi, khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu vận hành lò hơi.

- Sol khí từ hệ thống xử lý nước thải.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt:

2.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng, cải tạo hệ thống xử lý nước thải: Khối lượng chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn xây dựng, cải tạo hệ thống xử lý nước thải không đáng kể.

2.4.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất:

+ Vụn nguyên liệu từ quá trình băm/cắt nhỏ, dây đai buộc, giấy văn phòng, xỉ than lò hơi, sản phẩm lỗi, vỏ bao nguyên liệu, pallet gỗ, tạp chất đầu vào,... có khối lượng ước tính khoảng 120 tấn/tháng.

+ Tro xỉ lò hơi, tro bụi từ cyclone có khối lượng ước tính khoảng 60 tấn/tháng.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên có khối lượng ước tính khoảng 77,4 kg/ngày. Bao gồm: chai, lọ thủy tinh, kim loại, rau củ, quả, thức ăn thừa,...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Giai đoạn thi công xây dựng, cải tạo hệ thống xử lý nước thải: Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng, cải tạo hệ thống xử lý nước thải không đáng kể.

2.5.2. Giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất có khối lượng khoảng 1,44 tấn/năm. Bao gồm: giẻ lau, bao tay nhiễm hóa chất, bóng đèn huỳnh quang, bao bì dính hóa chất, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, dầu nhớt thải,...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng, cải tạo hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt: sử dụng hệ thống thu gom, bể tự hoại và hệ thống xử lý nước thải hiện hữu của Nhà máy.

3.1.2. Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt → hệ thống thu gom → bể tự hoại tại Nhà máy (bao gồm 05 bể: 01 bể khu vực văn phòng; 01 bể khu vực phân xưởng xeo giấy; 03 bể khu vực nhà bảo vệ) → hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m^3/ngày của

Nhà máy → đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu vực → rạch Cầu Suối.

+ Nước thải sản xuất → bể lắng bột giấy 200 m^3, tuần hoàn khoảng 60% (ước tính khoảng 346,8 m^3/ngày), phần còn lại đưa đến hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m^3/ngày của Nhà máy → đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu vực → rạch Cầu Suối.

- Vận hành 01 hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy công suất 250 m^3/ngày.

- Quy trình xử lý nước thải tại Nhà máy như sau: Nước thải đầu vào → Hồ điều hòa/sàn nghiêng tách bột giấy → Bể tuyển nổi → Bể điều hòa → 02 Thiết bị khuấy trộn tĩnh → Bể tuyển nổi → Tháp giải nhiệt → Bể trung gian 1 → Bể sinh học kị khí bậc 1 → Bể trung gian 2 → Bể sinh học kị khí 2 → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian 3 → Bể điều chỉnh pH → Bể phản ứng → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Hệ thống quan trắc → Nguồn tiếp nhận (rạch Cầu Suối).

- Xây dựng bể sự cố dung tích 500 m^3, đảm bảo khả năng lưu chứa nước thải trong 02 ngày trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố.

3.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Xây dựng, đấu nối, vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng, cải tạo hệ thống xử lý nước thải và vận hành Dự án.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện Dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh Dự án.

- Xây dựng, vận hành mạng lưới thu gom và trạm xử lý nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Nhà máy đạt QCVN 12-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy, cột B1 với các hệ số Kq = 0,9 và Kf = 1,2 trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận (rạch Cầu Suối). Không được phép xả thải trong trường hợp xảy ra sự cố với trạm xử lý nước thải hoặc nước thải sau xử lý không đạt quy định này.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục các thông số: Lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, nhiệt độ, pH, TSS, COD, amoni tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung trước cửa xả ra môi trường để kiểm soát chất lượng nước thải sau xử lý của Dự án theo quy định và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải có camera theo dõi, được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng và truyền dữ liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng, cải tạo hệ thống xử lý nước thải: Khối lượng bụi và khí thải phát sinh không đáng kể.

3.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Lắp đặt và vận hành hệ thống xử lý bụi và khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Nhà máy đảm bảo đạt quy chuẩn về môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường.

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải bao gồm 01 hệ thống được lắp đặt đồng bộ với lò hơi công suất 15 tấn hơi/giờ của Nhà máy.

- Công nghệ xử lý bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi: bụi, khí thải phát sinh → cyclone lọc bụi → lọc bụi túi vải → quạt hút → bể dập bụi → tháp hấp thụ → 01 ống thoát khí thải cao 20m → xả ra môi trường.

- Chế độ vận hành: liên tục trong thời gian hoạt động sản xuất.

- Lắp đặt 01 hệ thống quan trắc tự động, liên tục khí thải sau xử lý của 01 hệ thống xử lý khí thải.

3.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý bụi và khí thải phát sinh trong quá trình vận hành các hạng mục, công trình của Dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B với các hệ số Kp = 0,9 và Kv = 0,8.

- Lắp đặt 01 hệ thống quan trắc tự động, liên tục các thông số: lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O_2 dư, bụi tổng, SO_2, NOx và CO tại 01 ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi để kiểm soát chất lượng khí thải của Dự án theo quy định và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- Hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục phải có camera theo dõi, được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng và truyền dữ liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường:

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng, cải tạo hệ thống xử lý nước thải:

Sử dụng các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý hiện hữu của Nhà máy.

3.3.2. Giai đoạn vận hành:

- Bố trí các thùng chứa chất thải sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh trong khuôn viên Nhà máy, sử dụng thùng loại 25-120 lít tại khu vực văn phòng và thùng 240 lít tại khu vực nhà xưởng.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được lưu chứa trong khu lưu giữ chất thải rắn thông thường diện tích 64 m^2.

- Chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường được hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Tần suất thu gom, vận chuyển và xử lý:

+ Chất thải sinh hoạt: dự kiến 01 ngày/lần.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường: theo thực tế phát sinh và khả năng lưu chứa của khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, dự kiến 01 tuần/lần.

3.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng, cải tạo hệ thống xử lý nước thải và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị: Sử dụng các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý hiện hữu của Nhà máy.

3.4.2. Giai đoạn vận hành:

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tạm thời trong nhà xưởng sản xuất và thu gom về khu lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 12 m^2 (có chia các thùng chứa lưu giữ riêng biệt cho từng loại). Chất thải nguy hại phát sinh được hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Tần suất thu gom, vận chuyển và xử lý: theo thực tế phát sinh và khả năng lưu chứa của khu lưu giữ chất thải nguy hại, dự kiến 06 tháng/lần.

3.4.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng, cải tạo hệ thống xử lý nước thải và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số

36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Thực hiện biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn và độ rung:

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn và độ rung: cân chỉnh máy móc và thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị máy móc; đúc móng máy đủ khối lượng (bê tông mác cao), tăng chiều sâu móng, đào rãnh đổ cát khô để tránh rung theo mặt nền; sử dụng các thiết bị có lò xo giảm sốc và hệ thống giảm chấn.

- Trồng cây xanh, thảm cỏ trong khuôn viên Nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

- Mạng lưới thu gom nước mưa: nước mưa → ống dẫn nước mưa → thiết bị tách rác → hố ga → hệ thống thoát nước khu vực.

3.5.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện về an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng, cải tạo hệ thống xử lý nước thải và vận hành Dự án.

- Bố trí mặt bằng trong khuôn viên Nhà máy để trồng cây xanh, đảm bảo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng, cải tạo hệ thống xử lý nước thải và vận hành Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị của các trạm xử lý nước thải. Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, toàn bộ nước thải được dẫn về bể sự cố dung tích 500 m^3, tạm dừng hoạt động để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, quay vòng xử lý lại nước thải và tiếp tục hoạt động đảm bảo nước thải phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án được thu gom, xử lý đạt QCVN 12-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy, cột B1 với các hệ số Kq = 0,9 và Kf = 1,2 trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận (rạch Cầu Suối).

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho trạm xử lý nước thải của Dự án.

3.6.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải:

- Trường hợp khí thải vượt quy chuẩn đầu ra cho phép, tạm dừng hoạt động để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom, xử lý khí thải. Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý khí thải, giám sát vận hành hàng ngày, tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý khí thải.

- Lắp đặt 01 hệ thống quan trắc tự động, liên tục các thông số: lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O_2 dư, bụi tổng, SO_2, NO_x, CO tại 01 hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi để kiểm soát chất lượng khí thải của Dự án theo quy định và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3.6.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại: dán nhãn, sắp xếp hợp lý, gọn gàng, dễ phân biệt khi có nhiều loại; kiểm tra bao bì, phuy can chứa đựng hóa chất để đảm bảo không có hiện tượng nứt vỡ thùng chứa, rách thủng bao bì, tránh hiện tượng rò rỉ tràn đổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo đúng quy định.

3.6.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy, nổ:

- Lắp đặt lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ phòng cháy chữa cháy trong văn phòng và nhà xưởng, hệ thống báo cháy tự động được kiểm tra thường xuyên và ở trong tình trạng sẵn sàng để khắc phục kịp thời khi sự cố cháy, nổ xảy ra.

- Trang bị hệ thống ngắt điện tự động trong nhà xưởng sản xuất.

- Gắn trụ chống sét trên mái nhà xưởng và được tiếp đất đúng quy cách.

- Các máy móc, thiết bị làm việc trong nhà xưởng có hồ sơ lý lịch được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan có thẩm quyền.

- Công nhân viên được huấn luyện công tác phòng cháy chữa cháy.

3.6.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước: thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng, kiểm tra các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn. Đường ống cấp thoát nước phải có đường cách ly hoặc bảo vệ an toàn.

3.6.6. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố cháy, nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác trong toàn bộ quá trình hoạt động của Dự án.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

- Hệ thống thu gom và thoát nước thải.

- 01 hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 15 tấn hơi/giờ.

- 05 bể tự hoại xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt.

- 01 trạm xử lý nước thải công suất 250 m^3/ngày đêm.

- 01 bể sự cố dung tích 500 m^3.

- 01 khu lưu giữ lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 12 m^2.

- 01 khu lưu giữ lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 64 m^2.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng, cải tạo hệ thống xử lý nước thải: thực hiện theo chương trình quản lý và giám sát môi trường của Nhà máy hiện hữu.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

5.2.1. Chương trình giám sát nước thải sau xử lý:

- Vị trí giám sát, số lượng mẫu và tần suất giám sát: theo quy định của Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

- Thông số giám sát và quy chuẩn áp dụng: nhiệt độ, pH, độ màu, TSS, COD, BOD_5, Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX), Dioxin theo QCVN 12-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy, cột B1 với các hệ số Kq = 0,9 và Kf = 1,2.

5.2.2. Chương trình giám sát khí thải sau xử lý (hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi công suất 15 tấn hơi/giờ):

- Vị trí giám sát: 01 vị trí (ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi).

- Số lượng mẫu và tần suất giám sát: theo quy định của Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi, nhiệt độ, SO_2, NO_x, CO.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B với các hệ số Kp = 0,9 và Kv = 0,8.

5.2.3. Chương trình quản lý, giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.3. Giai đoạn vận hành:

5.3.1. Chương trình giám sát nước thải sau xử lý:

5.3.1.1. Giám sát tự động, liên tục chất lượng nước thải sau xử lý:

- Vị trí giám sát: nước thải sau hệ thống xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Tần suất giám sát: tự động, liên tục 24/24 giờ.

- Thông số giám sát: Lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, nhiệt độ, pH, TSS, COD, NH_4^+.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 12-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy, cột B1 với các hệ số Kq = 0,9 và Kf = 1,2.

5.3.1.2. Giám sát định kỳ nước thải sau xử lý:

- Vị trí giám sát: 02 vị trí (nước thải trước và sau hệ thống xử lý trước khi thải ra môi trường).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: độ màu, BOD_5, Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX), Dioxin.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 12-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy, cột B1 với các hệ số Kq = 0,9 và Kf = 1,2.

5.3.2. Chương trình giám sát khí thải sau xử lý (giám sát tự động, liên tục chất lượng khí thải sau xử lý tại lò hơi):

- Vị trí giám sát: 01 vị trí (ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi).

- Tần suất giám sát: tự động, liên tục 24/24 giờ.

- Thông số giám sát: lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O_2 dư, bụi tổng, SO_2, NO_x và CO.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B với các hệ số Kp = 0,9 và Kv = 0,8.

5.3.3. Chương trình quản lý, giám sát bùn thải:

- Vị trí giám sát: bể chứa bùn thải của hệ thống xử lý nước thải.

- Thông số giám sát: Khối lượng, As, Ba, Ag, Cd, Hg, Pb, Se, Zn, Co, Ni, Cr^{6+}, CN^-, tổng dầu, Phenol, Benzen.

- Phân định bùn thải là chất thải nguy hại hay chất thải thông thường.

- Tần suất giám sát: 01 năm/lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

5.3.4. Chương trình quản lý, giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Tuân thủ các quy định tại QCVN 33:2018/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu giấy nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất và các quy chuẩn môi trường hiện hành có liên quan, các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng, cải tạo hệ thống xử lý nước thải và vận hành Dự án.

- Tuân thủ các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; lập hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu trình cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Chỉ được phép nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho Dự án theo đúng công suất thiết kế; từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 chỉ được phép nhập khẩu phế liệu tối đa bằng 80% công suất thiết kế, số phế liệu còn lại phải được thu mua trong nước để làm nguyên liệu sản xuất ra sản phẩm, hàng hóa; tuân thủ nghiêm ngặt Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của

Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Nhà máy.

- Thực hiện việc đăng ký, công bố chất lượng các loại sản phẩm của Dự án trước khi thương mại hóa theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật./.